

Số: 129/2022/QĐST-DS

A, ngày 04 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Số nhà 15 đường H3, tổ 32, khu vực 4, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số 345/14/12 N, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Cao T, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Số nhà 15 đường H3, tổ 32, khu vực 4, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Bà Lê H2, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số 345/14/12 N, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền còn nợ: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh H1 – bà Lê H2 còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị Xuân H – ông Lê Cao T số tiền mua bán vải là 73.074.500 đồng (Bảy mươi ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Về phương thức trả nợ:

Vào ngày 15/12/2022: Vợ chồng ông H1 – bà H2 trả cho vợ chồng bà H – ông T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);

Vào ngày 15/3/2023: Vợ chồng ông H1 – bà H2 trả cho vợ chồng bà H – ông T số tiền 33.074.500 đồng (Ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Đến thời hạn trả nợ mà vợ chồng ông H1 – bà H2 không trả tiền hoặc trả không đầy đủ số tiền cho vợ chồng bà H – ông T như thỏa thuận thì phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tại thời điểm vi phạm.

Về tiền lãi chậm trả: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu vợ chồng ông H1 – bà H2 trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh H1 – bà Lê H2 tự nguyện chịu 1.826.863 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kiều Oanh